

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/4/2024

*“V/v tranh chấp chia tài sản của
nam, nữ chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Hồ Thị Thu Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Tâm, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 175/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về việc *“Tranh chấp chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HGND ngày 26 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGD ngày 26/3/2024.

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T – sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ dân phố 08, thị trấn Đức A, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị V – sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ dân phố 08, thị trấn Đức A, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Trần Thị Th. Địa chỉ: Tổ dân phố 08, thị trấn Đức A, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt

3.2. Ông Phan Văn R. Địa chỉ: Thôn 10, xã Năm N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị V1 và ông Trần Văn T1. Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã Năm N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

3.4. Chị Hoàng Thị Á. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Đức A, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện nộp đến Tòa án ngày 25/9/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hoàng Văn T trình bày:**

Ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị V chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1997, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vào ngày 31/3/2022 ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị V đã có sự thống nhất thỏa thuận chia tài sản chung theo biên bản cuộc họp gia đình lập ngày 31/3/2022. Tuy nhiên, sau khi hai bên được Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông không công nhận quan hệ vợ chồng theo bản án số 21/2023/HNGĐ ngày 09/05/2023 bà V không thực hiện như đã thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung. Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung là thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 042962 mang tên ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị V, thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01, diện tích 21752,4 m² do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông cấp ngày 07/8/2023. Đối với các tài sản khác ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

*** Bị đơn bà Trần Thị V:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh, bà V vẫn sinh sống ở địa phương thuộc Tổ dân phố 08, thị trấn Đức A, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông nhưng thường xuyên không có mặt ở nhà, không rõ thời gian cụ thể trở về. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bà V không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Người làm chứng bà Nguyễn Thị V1, ông Trần Văn T1 và ông Phan Văn R đều trình bày:**

Bà Nguyễn Thị V1 là chị dâu và ông Trần Văn T1 là anh ruột của bà Trần Thị V. Ông Phan Văn R là chú ruột của ông T. Các ông, bà được mời là người làm chứng và ký vào biên bản cuộc họp gia đình giữa ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị V ngày 31/3/2023. Trong cuộc họp gia đình đã có sự thống nhất thỏa thuận giữa ông T và bà V về việc phân chia tài sản. Trong đó, có thỏa thuận chia đôi thửa đất thửa đất số 24, tờ bản đồ số 1, diện tích 21752,4 m², đã được văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận QSD đất số DI 042962, ngày 07/08/2023 mang tên ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị V. Nay bà V không thực hiện như đã thỏa thuận trong biên bản. Vì vậy, những người làm chứng đề nghị Tòa án phân chia tài sản đang tranh chấp của ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị V theo quy định của pháp luật.

*** Người làm chứng chị Hoàng Thị Á trình bày:**

Chị Ánh là con ruột của ông T, bà V, chị có chứng kiên việc bố mẹ chị thỏa thuận phân chia thửa đất số 24, tờ bản đồ số 1, làm đôi, một nửa đất cạnh ông Nguyễn Văn T cho bà Trần Thị V, một nửa đất cạnh ông Bảy cho ông Hoàng Văn T. Chị Á đồng ý với biên bản họp gia đình ngày 31/3/2022 chia đôi thửa đất số 24, tờ bản đồ số 1, địa chỉ tại thôn 09, xã Nam N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông.

*** Người làm chứng bà Trần Thị Th:**

Bà Th là em ruột của bà V, có tham gia ký vào biên bản họp gia đình ngày 31/3/2022, Tòa án triệu tập bà Th với tư cách người làm chứng trong vụ án, bà Th có đến Tòa án nhưng bà Th bỏ về, không hợp tác làm việc.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:**

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Đã thực hiện hoạt động tố tụng đầy đủ từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án; Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục, trình tự xét xử. Hội đồng xét xử đúng thành phần, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và tranh luận tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành việc tham gia các phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án.

Về nội dung: Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 143, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 33, 34, 35, 37, 38, của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 207, 213, 219, 221 của Bộ luật dân sự và điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T.

Giao cho ông Hoàng Văn T được toàn quyền sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là 10.911m² có tứ cận: Phía Đông giáp đất Lâm Trường dài 32,02m, phía Tây giáp suối (sinh) dài 55,62m, phía Nam giáp đất ông Bảy dài các cạnh 22,92m + 149,73m + 59,33m, phía Bắc giáp đất giao cho bà V dài các cạnh 182,87m + 24,86m + 36,13m, thuộc một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 042962 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông cấp ngày 7/8/2023, đất tọa lạc tại thôn 9, xã Nam N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông và toàn bộ tài sản trên đất gồm: 358 cây cà phê trồng năm 2003; 25 cây bơ trồng năm 2017; 30 cây sầu riêng trồng năm 2023; 02 cây sầu riêng trồng năm 2003; 30 cây macca trồng năm 2018. Tổng giá trị tài sản ông Hoàng Văn Tú được chia là: 443.539.000 đồng.

Giao cho bà Trần Thị V được toàn quyền sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là 10.841,4 m², có tứ cận: Phía Đông giáp đất Lâm Trường dài 32,03m, phía Tây giáp suối (sinh) dài 55,62m, phía Nam giáp đất giao cho ông T dài 182,87m + 24,86m + 36,13m, phía Bắc giáp thửa đất số 3 (đất ông T) dài

31,20m + 127,73m + 20,17m + 6,94m + 33,23m + 28,29m + 16,18m, thuộc một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 042962 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông cấp ngày 7/8/2023, đất tọa lạc tại thôn 9, xã Nam N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông và tài sản trên đất gồm: 398 cây cà phê trồng năm 2003; 25 cây bơ trồng năm 2017; 23 cây macca trồng năm 2018; 30 trụ gỗ để trồng tiêu. Tổng giá trị tài sản bà Trần Thị V được chia là 443.016.000 đồng.

(Việc phân chia quyền sử dụng đất có sơ đồ trích lục chi tiết kèm theo)

Ông Hoàng Văn T phải trả lại cho bà Trần Thị V giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia là 261.500 đồng.

Ngoài ra, đương sự còn phải nộp chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là: “*Tranh chấp về chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Bà Trần Thị V đang cư trú tại: Tổ dân phố 08, thị trấn Đức A, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 09/05/2023, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị V theo bản án số 21/2023/HNGĐ ngày 09/05/2023, về quan hệ tài sản do các bên không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ, tài liệu và lời khai của các đương sự, những người làm chứng cho thấy: Trong quá trình chung sống như vợ chồng, ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị V có tạo dựng được tài sản chung là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 1, diện tích 21752,4 m² đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 042962, ngày 07/08/2023 mang tên ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị V. Thửa đất tọa lạc tại thôn 09, xã Nam N', huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn thì vào ngày 31/3/2022, tại Tổ dân phố 08, thị trấn Đức A, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông nguyên đơn và bị đơn đã tiến hành thỏa thuận chia đôi thửa đất rẫy trên, nhưng các đương sự không thực hiện như thỏa thuận.

Tại Điều 38 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có quyền thỏa thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung, trừ trường hợp quy định tại Điều 42 của Luật này; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Thỏa thuận về việc chia tài sản chung phải lập thành văn bản. Văn bản này được công chứng theo yêu cầu của vợ chồng hoặc theo quy định của pháp luật.*

3. *Trong trường hợp vợ, chồng có yêu cầu thì Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 59 của Luật này”.*

Tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Trong trường hợp chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định thì việc giải quyết tài sản do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì theo yêu cầu của vợ, chồng hoặc của hai vợ chồng, Tòa án giải quyết theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này và tại các điều 60, 61, 62, 63 và 64 của Luật này.

Trong trường hợp chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận thì việc giải quyết tài sản khi ly hôn được áp dụng theo thỏa thuận đó; nếu thỏa thuận không đầy đủ, rõ ràng thì áp dụng quy định tương ứng tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này và tại các điều 60, 61, 62, 63 và 64 của Luật này để giải quyết”.

Tại Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Quyền sử dụng đất là tài sản riêng của bên nào thì khi ly hôn vẫn thuộc về bên đó.

2. *Việc chia quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn được thực hiện như sau:*

a) *Đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản, nếu cả hai bên đều có nhu cầu và có điều kiện trực tiếp sử dụng đất thì được chia theo thỏa thuận của hai bên; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 59 của Luật này.*

Trong trường hợp chỉ một bên có nhu cầu và có điều kiện trực tiếp sử dụng đất thì bên đó được tiếp tục sử dụng nhưng phải thanh toán cho bên kia phần giá trị quyền sử dụng đất mà họ được hưởng;

b) *Trong trường hợp vợ chồng có quyền sử dụng đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản chung với hộ gia đình thì khi ly hôn phần quyền sử dụng đất của vợ chồng được tách ra và chia theo quy định tại điểm a khoản này;*

c) *Đối với đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp để trồng rừng, đất ở thì được chia theo quy định tại Điều 59 của Luật này;*

d) *Đối với loại đất khác thì được chia theo quy định của pháp luật về đất đai”.*

Xét thửa đất trên là tài sản chung ông T và bà V tạo lập được trong thời kỳ chung sống với nhau, đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, do đó căn cứ vào các Điều 33, 38, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình cần chia đôi tài sản cho các đương sự.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 1, diện tích 21752,4 m² đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 042962, ngày 07/08/2023 mang tên ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị V, địa chỉ tại thôn 09, xã Năm N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Tứ cận thửa đất cụ thể như sau: Phía Đông giáp đất Lâm Trường, phía

Tây giáp suối (sinh), phía Nam giáp đất ông B, phía Bắc giáp thửa đất số 3 (đất ông T). Diện tích đất có giá trị là: $21752,4\text{m}^2 \times 33.000 \text{ đồng/m}^2 = 717.829.000 \text{ đồng}$.

Tài sản trên đất: 756 cây cà phê trồng năm 2003 loại C có giá 127.888.400 đồng; 50 cây bơ trồng năm 2017 có giá trị 24.755.000 đồng; 30 cây sầu riêng trồng năm 2023 loại A có giá 2.859.000 đồng; 02 cây sầu riêng trồng năm 2003 loại C có giá 1.772.800 đồng; 53 cây macca 10.600.000 đồng; 30 trụ gỗ để trồng tiêu. Tổng giá trị cây trồng trên đất có giá 168.726.000 đồng. Tổng tài sản trên đất và diện tích đất có giá trị là 886.555.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phân chia tài sản cụ thể như sau:

Giao cho ông Hoàng Văn T được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích 10911,0 m² đất cùng toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 1. Tài sản trên đất: 358 cây cà phê trồng năm 2003; 25 cây bơ trồng năm 2017; 30 cây sầu riêng trồng năm 2023; 02 cây sầu riêng trồng năm 2003; 30 cây macca trồng năm 2018. Tứ cận thửa đất cụ thể như sau: Phía Đông giáp đất Lâm Trường, phía Tây giáp suối (sinh), phía Nam giáp đất ông Bảy, phía Bắc giáp đất giao cho bà V. Giá trị tài sản phần đất và tài sản trên đất được chia cho ông Hoàng Văn T là 443.539.000 đồng.

Giao cho bà Trần Thị V được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích 10841,4 m² đất cùng toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 1. Tài sản trên đất: 398 cây cà phê trồng năm 2003; 25 cây bơ trồng năm 2017; 23 cây macca trồng năm 2018; 30 trụ gỗ để trồng tiêu. Tứ cận thửa đất cụ thể như sau: Phía Đông giáp đất Lâm Trường, phía Tây giáp suối (sinh), phía Nam giáp đất giao cho ông T, phía Bắc giáp thửa đất số 3 (đất ông T). Giá trị tài sản phần đất và tài sản trên đất được chia cho bà Trần Thị V là 443.016.000 đồng.

Diện tích thửa đất đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận QSD đất số DI 042962, ngày 07/08/2023 mang tên ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị V, tọa lạc tại thôn 09, xã Năm N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông.

Do ông Tú được chia giá trị tài sản lớn hơn nên ông T phải trả phần tiền được chia chênh lệch cho bà V là: $443.539.000 \text{ đồng} - 443.016.000 \text{ đồng} = 523.000 \text{ đồng}$; $2 = 261.500 \text{ đồng}$.

Đối với những tài sản chung khác ông Hoàng Văn T không yêu cầu chia nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về chi phí tố tụng: Tòa án chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản và định giá tài sản số tiền 18.700.000 đồng, trong đó chi phí định giá tài sản là 10.000.000 đồng và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là 8.700.000 đồng. Các đương sự mỗi người phải chịu một nửa chi phí này. Do nguyên đơn ông Hoàng Văn T đã nộp tạm ứng các khoản chi phí tố tụng tại Tòa án. Vì vậy, cần buộc bà Trần Thị V phải trả khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản cho ông T là 9.350.000 đồng.

[4]. Về án phí:

Ông Hoàng Văn T phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng, cụ thể là 21.741.560 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0001363 ngày 09/10/2023.

Bà Trần Thị V phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng = 21.731.100 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 14, Điều 16, Điều 33, Điều 35, Điều 38, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 207, Điều 213, Điều 219 của Bộ luật dân sự và điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn T.

1.1. Xác định khối tài sản chung của ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị V bao gồm: Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 1, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 042962, ngày 07/08/2023 mang tên ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị V, tọa lạc tại thôn 09, xã Năm N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông và toàn bộ tài sản trên đất có tổng giá trị là 886.555.000 đồng (Tám trăm tám mươi sáu triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

1.2. Giao cho ông Hoàng Văn T toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt diện tích 10911,0 m² đất cùng tài sản trên thửa đất số 24, tờ bản đồ số 1, gồm có: 358 cây cà phê trồng năm 2003; 25 cây bơ trồng năm 2017; 30 cây sầu riêng trồng năm 2023; 02 cây sầu riêng trồng năm 2003; 30 cây macca trồng năm 2018.

Tứ cận thửa đất cụ thể như sau: Phía Đông giáp đất Lâm Trường dài 32,02m; Phía Tây giáp suối (sinh) dài 55,62m; Phía Nam giáp đất ông B các cạnh dài là 22,92m + 149,73m + 59,33m; Phía Bắc giáp đất giao cho bà V các cạnh dài là 182,87m + 24,86m + 36,13m. Tổng giá trị tài sản ông Hoàng Văn T được chia là: 443.539.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi ba triệu năm trăm ba mươi chín nghìn đồng).

1.3. Giao cho bà Trần Thị V toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt diện tích 10841,4 m² đất cùng tài sản trên đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 1, gồm có:

398 cây cà phê trồng năm 2003; 25 cây bơ trồng năm 2017; 23 cây macca trồng năm 2018; 30 trụ gỗ để trồng tiêu.

Tứ cận thửa đất cụ thể như sau: Phía Đông giáp đất Lâm Trường dài 32,03m; Phía Tây giáp suối (sinh) dài 55,62m; phía Nam giáp đất giao cho ông T các cạnh dài là 182,87m + 24,86m + 36,13m; Phía Bắc giáp thửa đất số 3 (đất ông T) các cạnh dài là 31,20m + 127,73m + 20,17m + 6,94m + 33,23m + 28,29m + 16,18m. Tổng giá trị tài sản bà Trần Thị V được chia là 443.016.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi ba triệu không trăm mười sáu nghìn đồng).

Diện tích thửa đất đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận QSD đất số DI 042962, ngày 07/08/2023 mang tên ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị V, thửa đất tọa lạc tại thôn 09, xã Nâm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

(Việc phân chia quyền sử dụng đất có sơ đồ trích lục chi tiết kèm theo)

Ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị V có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

1.4. Ông Hoàng Văn T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị V khoản tiền chênh lệch từ khối tài sản chung là 261.500 đồng (Hai trăm sáu mươi một nghìn năm trăm đồng).

(Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015).

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Hoàng Văn T phải nộp khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 9.350.000 đồng (Chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào khoản tiền ông T đã nộp xong tại Tòa án.

Buộc bà Trần Thị Vân phải trả cho ông Hoàng Văn T khoản tiền chi phí xem xét thẩm, định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 9.350.000 đồng (Chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí:

Ông Hoàng Văn T phải nộp số tiền 21.741.560 đồng (Hai mươi một triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn năm trăm sáu mươi đồng) án phí, được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0001363 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song. Ông Hoàng Văn T còn phải nộp 17.991.560 đồng (Mười bảy triệu chín trăm chín mươi một nghìn năm trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị V phải nộp số tiền 21.731.100 đồng (Hai mươi một triệu bảy trăm ba mươi một nghìn một trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Người làm chứng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm